

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

D: 28
H: 6

101

C. Suông

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Hoàng
Nguyễn Hoàng

Nguyễn Hoàng
Nguyễn Hoàng

P. V. L.

Đ. T. Hoàng

H. T. Hoàng

Loạt Thào

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122120311	Lê Quý	An	23/09/2004	CCQ2212J	1013	An	3.6	An	5.5	4.6	6.3	5.3	
2	2123230005	Mai Ngô Kỳ	Anh	13/03/2005	CCQ2323A						0		Cấm thi	
3	2123120663	Nguyễn Tuấn	Anh	29/10/2005	CCQ2312K						0		Cấm thi	
4	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	1016	Bình	2.9	Bình	2.0	2.5	5.2	3.6	
5	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	1013	Cang	5.9	Cang	5.3	5.6	7.4	6.3	
6	2123110422	Nguyễn Văn	Chiến	13/01/2004	CCQ2311L						0.0	8	3.2	
7	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1015	Danh	5.6	Danh	4.5	5.1	6.2	5.5	
8	2123110426	Phạm Trung	Đạt	11/09/2005	CCQ2311L	1016	Đạt	8.3	Đạt	4.3	6.3	7.9	6.9	
9	2123170274	Lê	Doãn	03/05/2005	CCQ2317H	1013	Doãn	7.8	Doãn	3.6	5.7	5.6	5.7	
10	2123220105	Hứa	Duy	30/11/2004	CCQ2322C	1014	Duy	5.6	Duy	5.2	5.4	4.7	5.1	
11	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A	1015	Duy	4.9	Duy	3.6	4.3	8	5.8	
12	2123110436	Trần Thành	Hà	25/09/2004	CCQ2311L	1016	Hà	4.0	Hà	2.7	3.4	7.6	5.1	
13	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	1013	Hải	4.0	Hải	3.3	3.7	7.6	5.3	
14	2123210104	Đặng Thị	Hằng	22/12/2004	CCQ2321C	1014	Hằng	4.1	Hằng	6.0	5.1	8.4	6.4	
15	2123060225	Trương Thiên	Hậu	23/08/2004	CCQ2306A	1015	Hậu	5.9	Hậu	5.5	5.7	6.6	6.1	
16	2123310006	Phạm Quang	Hiệu	05/01/2005	CCQ2331A	1016	Hiệu	7.6	Hiệu	2.5	4.8	5.9	5.2	
17	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	1013	Hội	7.0	Hội	5.7	6.4	6.7	6.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A	1014	Quang	8.7	Quang	2.5	5.6	5.3	5.5	
19	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B							0	Cấm thi	
20	2123030178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A							0	Cấm thi	
21	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1013	Minh	4.2	Minh	3.0	3.6	6.3	4.7	
22	2123120683	Hoàng Văn	Khoa	05/05/2004	CCQ2312L	1014	Khoa	5.9	Khoa	5.2	5.6	6.1	5.8	
23	2123190012	Hoàng Văn	Khoa	02/09/2004	CCQ2319A							0	Cấm thi	
24	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	1015	Đăng	3.8	Đăng	4.8	4.3	6.1	5.0	
25	2123050089	Huỳnh Văn	Lâm	10/10/2005	CCQ2305B	1013	Văn	5.8	Văn	2.3	4.1	7.1	5.3	
26	2123210116	La Thị Trúc	Linh	04/02/2005	CCQ2321D	1014	Trúc	6.0	Trúc	4.4	5.2	8.6	6.0	
27	2123200131	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/05/2005	CCQ2320B							0		
28	2123260144	Trần Thị Mỹ	Linh	20/10/2004	CCQ2326E						0.0	7.6	3.0	
29	2123050073	Lâm Gia	Long	20/04/2005	CCQ2305B	1013	Long	5.4	Long	5.0	5.2	7.2	6.0	
30	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	1014	Thành	3.7	Thành	4.5	4.1	7	5.3	
31	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B	1015	Đình	4.7	Đình	3.0	3.9	6.2	4.8	
32	2123050053	Đinh Quang	Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	1016	Quang	5.4	Quang	4.8	5.1	6.7	5.7	
33	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	1013	Trọng	5.5	Trọng	5.4	5.5	7.8	6.4	
34	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1014	Xuân	3.9	Xuân		2.0	7.2	4.1	

24/01/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

101

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Hà
Nguyễn Trang

Nguyễn Thị
Hồng Xương

P.V.M.

S.K.
Đ.T.S.N.G.

H.T.Near

L.T.T.Hoa

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A205

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1015	Quân	5.0			2.5	6.4	4.1	
36	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A							0	Cấm thi	
37	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A							0	Cấm thi	
38	2123170263	Nguyễn Hữu	Thiện	02/06/2005	CCQ2317H	1014	Th	6.2	Th	3.5	4.9	7.7	6.0	
39	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	1015	Ph	5.5	Ph	5.4	5.5	8.9	6.9	
40	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	1016	Thoại	4.6	Thoại	4.5	4.6	7.9	5.9	
41	2123110456	Nguyễn Trọng	Tin	14/07/2004	CCQ2311L	1013	Tin	5.0	Tin	5.3	5.2	7.5	6.1	
42	2123050042	Nguyễn Văn	Tri	24/08/2005	CCQ2305A	1014	Tri	4.3	Tri	3.5	3.9	6	4.7	
43	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trình	25/10/2005	CCQ2310G	1015	Th	6.3	Th	6.2	6.3	7.7	6.9	
44	2123120577	Lê Phú	Trọng	11/03/2005	CCQ2312J							0	Cấm thi	
45	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	1013	Tu	5.3	Tu	3.5	4.4	7.5	5.6	
46	2123050071	Nguyễn Anh	Vân	29/04/2005	CCQ2305B							0	Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

A: 18
H: 5

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

102

T. Mạnh

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110075	Phạm Hoài	An	18/04/2005	CCQ2311C	1015		5.4		4.9	5.2	7	5.9	
2	2123230019	Trần Gia	Bảo	09/09/2004	CCQ2323A	1016		7.3		7.4	7.4	9.2	8.1	
3	2121110239	Trần Ngọc Cao	Đặng	17/01/2002	CCQ2111G							0		
4	2121110365	Thạch Tấn	Đạt	09/12/2003	CCQ2111H	1013		8.3		7.6	8.0	9.2	8.5	
5	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D							0		
6	2123180050	Nguyễn Quang	Đông	23/11/2005	CCQ2318B	1016		5.9		5.0	5.5	5.2	5.4	
7	2123060119	Huỳnh Văn	Đức	07/03/2005	CCQ2306A	1013		6.3		3.3	4.8	7.2	5.8	
8	2122110512	Trần Văn	Đức	29/02/2004	CCQ2211L	1014		6.5		2.0	4.3	8.3	5.9	
9	2122210062	Đinh Thị Thủy	Dương	17/07/2004	CCQ2221B	1015		6.7		4.2	5.5	9.9	7.3	
10	2123180027	Lê Văn	Hạ	17/07/2005	CCQ2318A	1016		3.9		4.5	4.2	4.7	4.4	
11	2121170471	Đặng Ngọc Minh	Hải	18/02/2003	CCQ2117N							0		
12	2122120245	Đinh Thị	Hải	06/10/2003	CCQ2212H	1014		3.7		3.0	3.4	8.4	5.4	
13	2122120171	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	07/06/2004	CCQ2212E	1015		4.4		4.7	4.6	7.3	5.2	
14	2122170133	Đỗ Trung	Hậu	01/02/2004	CCQ2217D	1016		6.0		6.0	6.0	9.3	7.3	
15	2121170363	Nguyễn Trung	Hậu	14/11/2003	CCQ2117K	1015		7.3		2.5	4.9	6	5.3	
16	2123100034	Võ Thị Ngọc	Hiền	03/09/2005	CCQ2310A	1014		5.9		3.5	4.7	5	4.8	
17	2123200386	Nguyễn Trung	Hiếu	19/02/2005	CCQ2320E							3	4.2	
18	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	1016		2.8		5.8	4.3	5	4.6	

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

102

T. Manh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	CCQ2321B	1013	Hoài	5.2	Hoài	4.0	4.6	8	6.0	
20	2123220013	Trần Đức	Hoàn	23/04/2002	CCQ2322A	1014	Đức	6.1	Đức	4.0	5.1	5.2	5.1	
21	2122030145	Lê Đức	Hoàng	05/07/2004	CCQ2203E	1015	Hoàng	5.6	Hoàng	4.4	5.0	8.1	6.2	
22	2123200396	Trần Văn	Hung	29/08/2005	CCQ2320E							3.1		
23	2122170725	Nguyễn Quốc	Huy	01/11/2003	CCQ2217R	1013	Quốc	6.2				4.6	3.7	
24	2122170487	Phạm Gia	Kiệt	01/01/2004	CCQ2217M	1014	Kiệt	6.3	Kiệt	5.1	5.4	8	6.6	
25	2123230015	Dương Thành	Lâm	17/10/2004	CCQ2323A	1015	Lâm	3.9	Lâm	3.8	3.9	7.2	5.2	
26	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	CCQ2312H							0		
27	2123220102	Lê Đặng Huỳnh	Lộc	21/12/2005	CCQ2322B							0		
28	2123210046	Nguyễn Văn	Lộc	21/01/2005	CCQ2321B	1016	Lộc	5.7	Lộc	4.0	4.9	7.4	5.9	
29	2123170237	Hà Phước Hoàng	Long	21/10/2005	CCQ2317G	1013	Long	6.9	Long	6.3	6.6	6.2	6.4	
30	2122170184	Lê Vũ	Long	16/12/2004	CCQ2217E							3.7		
31	2122170321	Dương Minh	Lương	12/10/2003	CCQ2217H	1014	Minh	4.3	Minh	2.3	3.3	6.6	4.6	
32	2122270029	Nguyễn Gia	Mẫn	05/05/2004	CCQ2227A							3.1	1.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

103

T. Mạnh

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/02/2025 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: A201 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Tổ Thi Mỹ
Thị

Cán bộ coi thi 2

P.T.M. Thảo

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
P.T.S. Uyên

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
P. U. U.

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Phy. M. L.

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Ng. T. H.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	23/08/2005	CCQ2303G	1015	Chanh	5.6	Chanh	4.8	5.2	7.7	6.2	
2	2122120318	Nguyễn Văn	Nhân	21/09/2003	CCQ2212J	1016	Nhan	4.8	Nhan	3.0	3.9	8	5.5	
3	2123110136	Thạch Trần Trung	Nhân	26/03/2001	CCQ2311C	1013	Thach	7.3	Thach	5.3	6.5	7	6.6	
4	2123110132	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	21/02/2004	CCQ2311D	1014	Huynh	4.3	Huynh	0.0	2.0	5.7	3.6	
5	2122210013	Lê Thị Huỳnh	Nhung	24/03/2004	CCQ2221A	1015	Nhung	7.6	Nhung	7.0	7.5	8.4	7.7	
6	2121030114	Trương Ngọc	Phiếu	20/10/2003	CCQ2103D	1016	Truong	5.9	Truong	5.3	5.6	7.2	6.2	
7	2123040038	Lương Văn	Phú	25/04/2005	CCQ2304B	1013	Luong	3.7	Luong	3.6	3.7	6.3	4.7	
8	2123200493	Trần Thị Trúc	Phương	28/01/2005	CCQ2320F		✓					0		
9	2122200167	Võ Thị Uyên	Phương	28/11/2004	CCQ2220LA		✓					2		
10	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	1016	Quan	6.3	Quan	1.0	3.7	5.3	4.3	
11	2123210173	Trần Ngọc Diễm	Quyên	15/10/2005	CCQ2321E		✓					0		
12	2123120289	Thổ Minh	Thần	28/03/2005	CCQ2312F		✓					0		
13	2123170319	Lê Trung	Thắng	29/07/2005	CCQ2317J		✓					0		
14	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1016	Thanh	7.3	Thanh	3.0	5.2	3.4	4.5	
15	2123050223	Trần Nhut	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E		✓					0		
16	2122030143	Nguyễn Chí	Thông	19/04/2004	CCQ2203H	1014	Thong	4.7	Thong	3.9	4.5	7.6	5.6	
17	2123120294	Lê Mậu	Thương	03/09/2005	CCQ2312F	1015	Thuan	5.2	Thuan	4.8	5.0	7.5	6.0	
18	2123170145	Mai Ngọc	Tinh	03/02/2005	CCQ2317E		✓					0		

05/02/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2024-2025)

103

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Mạnh

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 17/02/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/04/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2122030108	Trần Quốc	Toàn	28/01/2004	CCQ2203H	1013	Quoc	6.1	Quoc	3.8	5.0	6.8	5.7	
20	2123230033	Trần Trọng	Tri	22/02/2005	CCQ2323A		✓					0		
21	2123220075	Vũ Văn	Trọng	25/04/2004	CCQ2322A		✓					0		
22	2123200405	Phạm Thị Thanh	Trúc	16/04/2005	CCQ2320E	1016	Truc	4.7	Truc	1.0	2.9	7.3	4.7	
23	2123170149	Nguyễn Thành	Trung	30/08/2005	CCQ2317E		✓					0		
24	2123170496	Nguyễn Quang	Trường	12/12/2005	CCQ2317N	1014	Quang	5.8	Quang	6.6	6.2	9.3	7.4	
25	2122050114	Nguyễn Văn	Trường	08/03/2004	CCQ2205B	1019	Truong	3.7	Truong	1.0	2.4	4.8	3.4	
26	2123030205	Lê Minh	Tú	15/08/2005	CCQ2303F		✓					0		
27	2121170384	Trịnh Hoài	Tú	04/10/2003	CCQ2117K	1013	Hoai	4.8	Tu	3.5	4.2	5.1	4.6	
28	2123220063	Hứa Anh	Tuấn	10/04/2005	CCQ2322C	104	Huan	6.7	Tuan	5.1	5.9	7.7	6.6	
29	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	CCQ2312H		✓					0		
30	2123150052	Trần Long	Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B	1016	Long	4.6	Long	7.0	5.8	9	7.1	
31	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	CCQ2303D	1013	Quoc	6.1			3.1	5.5	4.1	
32	2123220101	Trần Hữu	Vinh	21/05/2005	CCQ2322C	1014	Huu	6.5	Vinh	6.4	6.5	7.2	6.8	
33	2123200464	Nguyễn Thị Thanh	Ý	18/05/2005	CCQ2320E	1016	Thanh	7.0	Thanh	4.2	5.6	7.5	6.4	